

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HIV/AIDS, HIỂU BIẾT VỀ NGUỒN CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ NƠI ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

NGUYỄN ĐỨC THANH - Trường Đại học Y Thái Bình

TÓM TẮT

Kết quả điều tra mô tả cắt ngang với đối tượng là học sinh trung học phổ thông nhằm đánh giá thái độ cũng như hiểu biết về nguồn cung cấp thông tin và nơi điều trị HIV/AIDS của học sinh trung học phổ thông. Kết quả: Thái độ của học sinh đối với người nhiễm HIV/AIDS chưa thực sự tích cực: Mỗi chỉ có 48,4% học sinh có thái độ tìm cách chia sẻ và giúp đỡ, còn tỷ lệ khá cao học sinh có thái độ xa lánh người nhiễm HIV/AIDS (7,4%), nông thôn cao hơn thành thị (8,6% so với 6,2%). Tỷ lệ học sinh biết về CSYT nhà nước cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV/AIDS khá cao (91,7%); tuy nhiên tỷ lệ học sinh không biết nơi nào cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV/AIDS còn khá cao (2,6%), nông thôn cao hơn thành thị (2,9% so với 2,3%). Tỷ lệ học sinh cho biết địa chỉ xét nghiệm HIV là Trung tâm phòng chống HIV/AIDS cao (75,1%), Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh (48,0%), Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh (43,8%).

SUMMARY

The descriptive cross-sectional survey on subjects who are high school students to assess their attitudes and knowledge of information sources and addresses for examination and treatment of HIV/AIDS. Results show that the students' attitudes towards people with HIV/AIDS were not really positive: Only 48.4% of students are ready to understand and help the HIV/AIDS persons, and a high percentage of students discriminate people living with HIV/AIDS (7.4%), this rate in rural is higher than that in urban areas (8.6% compared with 6.2%). The percentage of students knowing that public health services provide health care services for people living with HIV/AIDS was high (91.7%); however, the percentage of those who did not know where to provide health care services for people HIV/AIDS is relatively high (2.6%), higher in the rural when compared to in the urban area (2.9% vs. 2.3%).

The percentage of students knowing that the address for testing HIV/AIDS is the Center for HIV/AIDS prevention was high (75.1%), followed by the provincial Center for preventive medicine (48.0%), provincial Center for reproductive health care (43.8%).

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bắt đầu từ năm 1981, đến nay HIV/AIDS đã thực sự trở thành đại dịch toàn cầu với những diễn biến hết sức phức tạp và nghiêm trọng. Theo UNAIDS/WHO mỗi ngày trôi qua có trên 6.800 người bị nhiễm HIV và trên 5.700 người tử vong vì AIDS [2], [6]. Các số liệu dịch tễ học gần đây nhất cho thấy số người nhiễm mới HIV trên thế giới cao nhất vào năm 1996 (3,5 triệu người). Đến năm 2008 số người nhiễm mới HIV thấp hơn khoảng 30% so với 12 năm trước đó. Số người tử vong do AIDS cao nhất vào năm 2004 (2,2 triệu người) [6]. Ở Việt Nam cho đến nay, số người nhiễm HIV đã phát hiện trên 70% xã/phường, tập trung ở 97% số quận huyện và tỉnh/ thành trong cả nước. Không giống như những năm trước năm 2000, dịch HIV chỉ tập trung chủ yếu ở các khu vực thành thị và đô thị lớn có nền kinh tế phát triển, hiện nay đại dịch HIV đã có mặt gần như mọi vùng miền đất nước kể cả những khu vực khó khăn, các thôn bản ở vùng núi cao [5]. Người ta thấy rằng dịch HIV lan truyền chủ yếu qua đường tình dục không an toàn và tiêm chích không an toàn [1], [3], [4].

Vấn đề hiện nay là hiện tượng nạo phá thai; tình trạng nghiện hút, hít và chích ma túy; tình trạng bỏ học và tỷ lệ mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS ngày càng gia tăng một cách nhanh chóng, mà chủ yếu rơi vào đối tượng ở độ tuổi vị thành niên (VTN). Chính vì thế chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm đánh giá thái độ, hiểu biết về nguồn thông tin cũng như địa chỉ khám chữa HIV/AIDS của học sinh trung học phổ thông nhằm có thêm cơ sở cho các nhà

quản lý để ra các chính sách phù hợp cho nhóm đối tượng này trong lĩnh vực phòng chống HIV/AIDS.

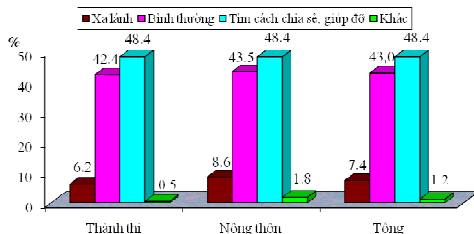
ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- + Địa bàn trong nghiên cứu được chọn là:
 - Thành phố Thái Bình: Đại diện cho khu vực thành thị, và
 - Huyện Thái Thụy: Đại diện cho khu vực nông thôn.
- + Đối tượng nghiên cứu: Là học sinh Trung học phổ thông
- + Thời gian nghiên cứu: tháng 5/2012
- + Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp điều tra cắt ngang mô tả.
- + Cơ mẫu: Cơ mẫu được tính theo công thức điều tra mô tả cắt ngang, với cơ mẫu tính được 768 học sinh.
- + Chọn mẫu: Sử dụng phương pháp chọn mẫu chùm, cụ thể như sau:
 - Chọn trường nghiên cứu: Khu vực thành thị: Chọn ngẫu nhiên theo hình thức bốc thăm lấy 02 trường trong 06 trường THPT trên địa bàn thành phố Thái Bình. Khu vực nông thôn (huyện Thái Thụy): Chọn ngẫu nhiên theo hình thức bốc thăm lấy 02 trong tổng số 05 trường THPT của huyện.
 - Chọn đối tượng: Tại mỗi trường chọn lấy 3 khối; tại mỗi khối chọn ngẫu nhiên lấy một lớp; tại mỗi khối chọn ngẫu nhiên một lớp để tiến hành phỏng vấn theo thứ tự lấy từ danh sách lớp từ một cho đến hết; dừng phỏng vấn khi đã có đủ đối tượng như đã được thiết kế trong nghiên cứu.

+ Kỹ thuật thu thập số liệu:
 - Công cụ thu thập số liệu là bộ câu hỏi có cấu trúc dành cho học sinh trung học phổ thông về các nội dung: thái độ, hiểu biết về nguồn cung cấp thông tin và địa chỉ khám, điều trị HIV/AIDS.

- Hình thức thu thập số liệu: Phỏng vấn trực tiếp tiếp các nội dung nêu trên về HIV/AIDS.
 + Phương pháp xử lý thông tin:
 Số liệu được làm sạch trước khi nhập vào máy tính, sử dụng chương trình EPI DATA để nhập và phân tích số liệu theo các bảng trống được lập sẵn từ trước.

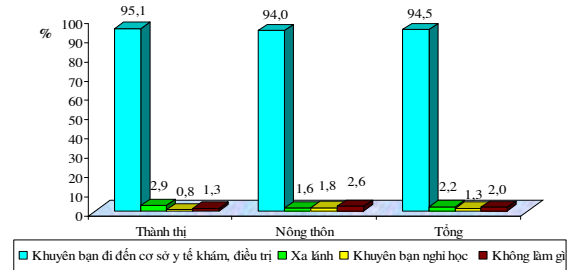
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Biểu đồ 1. Thái độ của học sinh đối với người nhiễm HIV/AIDS (n=768)

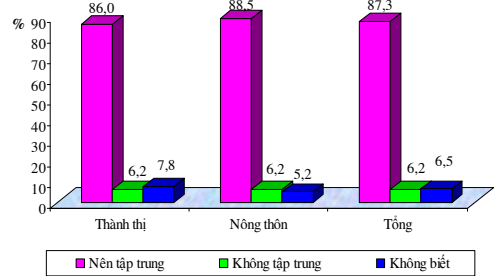
Biểu đồ trên cho thấy thái độ của học sinh đối với người nhiễm HIV/AIDS là họ sẽ tìm cách để chia sẻ, giúp đỡ (48,4%), tiếp theo nhóm đối tượng có thái độ bình thường 43,0%; tỷ lệ đối tượng có thái độ xa lánh là

7,4%. Các tỷ lệ này không có sự khác biệt lớn giữa hai khu vực thành thị và nông thôn.



Biểu đồ 2. Thái độ của học sinh về bạn thân bị nhiễm HIV/AIDS (n=768)

Theo kết quả trong biểu đồ trên, thái độ của học sinh đối với bạn thân khi bị nhiễm HIV/AIDS sẽ khuyến bạn đi đến cơ sở y tế khám và điều trị chiếm tỷ lệ cao (94,5%), trong đó tỷ lệ ở thành thị là 95,1%, nông thôn là 94,0%. Tỷ lệ đối tượng có thái độ xa lánh bạn là 2,2% và tỷ lệ khuyến bạn nghỉ học là 1,3%.



Biểu đồ 3. Thái độ của học sinh về việc tập trung người nhiễm HIV/AIDS để chăm sóc, điều trị (n=768)

Kết quả trong biểu đồ trên cho thấy: Tỷ lệ học sinh cho rằng nên tập trung người nhiễm HIV/AIDS để chăm sóc và điều trị khá cao (87,3%); tỷ lệ đối tượng cho rằng không cần tập trung để điều trị chỉ ở mức thấp (6,2%). Không có sự khác biệt lớn về các tỷ lệ này giữa hai vùng thành thị và nông thôn.

Bảng 1. Tỷ lệ học sinh biết về nơi cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV/AIDS

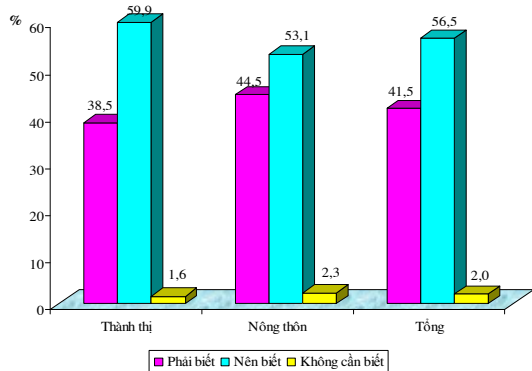
Nội dung	Thành thị (n=384)		Nông thôn (n=384)		Tổng (n=768)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Cơ sở y tế nhà nước	354	92,2	350	91,1	704	91,7
Phòng khám tư nhân	18	4,7	19	4,9	37	4,8
Tự mua thuốc điều trị	3	0,8	4	1,0	7	0,9
Không biết	9	2,3	11	2,9	20	2,6

Kết quả ở bảng 2 cho thấy: Số học sinh cho biết về dịch vụ khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV/AIDS là cơ sở y tế nhà nước chiếm tỷ lệ cao (91,7%) trong đó thành thị (92,2%), nông thôn (91,1%); tiếp theo đó là phòng khám tư nhân, tự mua thuốc điều trị (4,8%; 0,9%). Đáng lưu ý là có 2,6% số đối tượng không biết nơi nào có thể khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV/AIDS.

Bảng 2. Tỷ lệ học sinh biết địa chỉ xét nghiệm HIV tại Thái Bình

Nội dung	Thành thị (n=384)		Nông thôn (n=384)		Tổng (n=768)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Bệnh viện công lập	290	24,5	87	22,7	377	49,1
Bệnh viện, PK tư nhân	23	6,0	44	11,5	67	8,7
Trạm y tế xã/phường	9	2,3	34	8,9	43	5,6
Trung tâm Y tế huyện	52	13,5	70	18,2	122	15,9
Bệnh viện phụ sản tỉnh	248	64,6	47	12,2	259	38,4
TT CSSKSS tỉnh	282	73,4	54	14,1	336	43,8
TTYT dự phòng tỉnh	312	81,2	57	14,8	369	48,0
Trung tâm PC HIV/AIDS	355	92,4	222	57,8	577	75,1
Không biết	21	5,5	128	33,3	149	19,4

Số liệu trong bảng trên cho thấy: Tỷ lệ khá cao học sinh cho biết địa chỉ xét nghiệm HIV tại tỉnh nghiên cứu là Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh (75,1%), tiếp đến là Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh (48,0%), Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh (43,8%). Đáng lưu ý là có 19,4% đối tượng không biết nơi nào có thể xét nghiệm HIV/AIDS.



Biểu đồ 4. Ý kiến của học sinh đối nhu cầu được cung cấp thông tin về HIV/AIDS trong trường học (n=768)

Theo kết quả trong biểu đồ trên, việc cần cung cấp thông tin trong trường học về HIV/AIDS cho học sinh chiếm tỷ lệ cao nhất (41,5%) trong đó thành thị 38,5%, nông thôn 44,5%; sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Tỷ lệ học sinh trả lời rằng học sinh nên biết về HIV/AIDS từ trường học là 56,5%, tỷ lệ trả lời không cần thiết là 2,0%.

BÀN LUẬN

Trong những năm qua, việc cung cấp thông tin về địa chỉ xét nghiệm là rất rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua các tài liệu truyền thông, các cuộc thi tìm hiểu... tuy nhiên, sự hiểu biết của nhóm đối tượng nghiên cứu rất thấp, tỷ lệ học sinh cho biết địa chỉ xét nghiệm HIV tại tỉnh cao nhất là Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh (75,1%), Trung tâm y tế dự phòng tỉnh: 48,0%, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh: 43,8%. Điều này cho thấy có thể công tác thông tin, giáo dục truyền thông chưa hiệu quả, cần thay đổi hình thức truyền thông có hiệu quả hơn, có

chiều sâu hơn nhằm vào những đối tượng cụ thể, đặc biệt là nhóm học sinh, sinh viên.

Tìm hiểu về tỷ lệ học sinh cho biết thái độ về việc có nên tập trung người nhiễm HIV/AIDS để chăm sóc và điều trị kết quả cho thấy (87,3%) nên tập trung để chăm sóc và điều trị. Có thể giải thích điều này bằng việc học sinh trung học phổ thông còn có thái độ e ngại đối với người nhiễm HIV/AIDS do vậy có tỷ lệ đáng kể số đối tượng trong nghiên cứu đưa ra ý kiến này. Thực tế, người nhiễm HIV/AIDS hoàn toàn có thể điều trị tại cộng đồng mà không phải tập trung; trừ trường hợp giai đoạn cuối của bệnh cần có sự chăm sóc trực tiếp của cán bộ y tế. Điều này cho thấy công tác truyền thông về HIV/AIDS cần tập trung hơn nữa về nội dung này để tránh có những thái độ chưa thực sự đúng đắn với căn bệnh này.

KẾT LUẬN

- Thái độ của học sinh đối với người nhiễm HIV/AIDS chưa thực sự tích cực: 48,4% có thái độ tìm cách chia sẻ và giúp đỡ, còn tỷ lệ khá cao học sinh có thái độ xa lánh người nhiễm HIV/AIDS (7,4%).

- Tỷ lệ học sinh biết cơ sở y tế nhà nước cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV/AIDS khá cao (91,7%); tuy nhiên tỷ lệ học sinh không biết nơi nào cũng còn khá cao (2,6%).

- Tỷ lệ học sinh biết địa chỉ xét nghiệm HIV tại địa bàn nghiên cứu chưa cao: Tỷ lệ biết Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS cao (75,1%), Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh (48,0%), Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh (43,8%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- UBQG phòng chống HIV/AIDS (2007), Báo cáo hội nghị toàn quốc triển khai công tác can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS, Hà Nội, 2007.
- Bộ Y tế (2006), Kết quả Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STIs (IBBS) tại Việt Nam 2005 – 2006, NXB Y học
- Des Jarlais DC. (2005), HIV Prevention for Injection Drug Users: Lessons from North America, Presentation at the Institute of Medicine Workshop on the Prevention of HIV Among injecting drug users in High-Risk Countries, Geneva, Switzerland, Institute of Medicine Committee on the Prevention of HIV Infection Among Injecting Drug Users in High-Risk Countries.
- Ghys P. (2005). Epidemiology of HIV Infection and HIV among Injecting Drug Users. Presentation at the Institute of Medicine Workshop on the Prevention of HIV Among injecting drug users in High-Risk Countries, Geneva, Switzerland, Institute of Medicine Committee on the Prevention of HIV Infection Among Injecting Drug Users in High-Risk Countries.
- Ministry of Health Viet Nam (2001); HIV/AIDS infection estimation and projection in Vietnam period 2001 – 2005, Hanoi
- UNAIDS (2006), Report on the Global AIDS Epidemic: A UNAIDS 10th Anniversary Special Edition, Geneva, Switzerland: UNAIDS.